

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2017/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 9 năm 2017
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VINH PHÚC
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Huệ

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Vĩnh

2. Ông Nguyễn Đức Túc

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Hoàng Quốc Khánh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên toà: Ông Dương Mạnh Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sông Lô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2017/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017 về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2017/QĐXX - HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1983, (có mặt)

Nơi cư trú: thôn H, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc

2. Bị đơn: Anh Phùng Thế T, sinh năm 1983, (có mặt)

Nơi cư trú: thôn Đ, xã P, huyện S, Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 8 năm 2017, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Chị kết hôn với anh Phùng Thế T ngày 30/9/2009 trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã P. Tổ chức xong chị về làm ăn chung sống với gia đình anh T ngay. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do việc làm ăn phát triển kinh tế của gia đình gặp khó khăn dẫn đến thường xuyên cãi chửi và đánh nhau. Đến ngày 01/6/2017 chị về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay, hai bên gia đình không giàn xếp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Phùng Quốc K, sinh ngày 29/11/2010, Phùng Khánh P, sinh ngày 20/3/2013. Hiện nay cháu K đang ở với anh T, cháu P ở cùng chị. Nếu ly hôn chị để anh T nuôi cháu K và chị nuôi cháu P. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Hiện chị làm công nhân may thu nhập bình quân 4.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Phùng Thế T trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, mâu thuẫn như chị Đ trình bày là đúng. Nay chị Đ xin ly hôn anh xin đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị Đ trình bày là đúng. Nếu ly hôn anh xin nuôi cháu K và để chị Đ nuôi cháu P. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Hiện anh làm thợ xây thu nhập bình quân 4.500.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Qua xác minh địa phương UBND xã P anh T và chị Đ kết hôn ngày 30/9/2009 tại UBND xã P, khi cưới được tự do tìm hiểu. Tổ chức xong chị Đ về làm ăn chung sống cùng gia đình anh T ngay. Quá trình vợ chồng chung sống anh chị đã có hai con. Đến cuối năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do công việc làm ăn phát triển kinh tế của gia đình gặp khó khăn nên anh T và chị Đ xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn trầm trọng nên dẫn đến cãi chửi nhau ảnh hưởng đến những người xung quanh và diễn ra trong thời gian dài nên không có khả năng hàn gắn để đoàn tụ nên UBND xã đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Đ, anh T ly hôn.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ và xử cho chị Đ được ly hôn với anh Phùng Thế T.

2. Công nhận sự thỏa thuận về con chung: Chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phùng Khánh P, sinh ngày 20/3/2013, hiện đang ở cùng chị Đ. Anh Phùng Thế T trực tiếp nuôi cháu Phùng Quốc K, sinh ngày 29/11/2010, hiện đang ở cùng anh T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Không ai được ngăn cản quyền thăm nuôi con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Phùng Thế T là hôn nhân hợp pháp tiến bộ, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện S. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do việc làm ăn phát triển kinh tế của gia đình gặp khó khăn dẫn đến thường xuyên cãi chửi và đánh nhau. Đến 01/6/2017 chị Đ về nhà bố mẹ đẻ ở vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Hai bên gia đình không giàn xếp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh T. Anh T xin được đoàn tụ để vợ chồng về làm ăn chung sống nhưng anh cũng không có biện pháp gì để hàn gắn gia đình. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị Đ xin ly hôn anh T là có căn cứ phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung Phùng Quốc K, sinh ngày 29/11/2010, Phùng Khánh P, sinh ngày 20/3/2013. Hiện nay cháu K đang ở với anh T, cháu P ở cùng chị Đ. Ly hôn hai bên thỏa thuận để anh T nuôi cháu K và chị Đ nuôi cháu P, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau là tự nguyện phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị Đ, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét và quyết định.

[4] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình và điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Phùng Thế T.

2. Công nhận sự thỏa thuận về con chung: Chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phùng Khánh P, sinh ngày 20/3/2013, hiện đang ở cùng chị Đ. Anh Phùng Thế T trực tiếp nuôi cháu Phùng Quốc K, sinh ngày 29/11/2010, hiện đang ở cùng anh T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Việc thăm nom không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: AA/2014/0002013 ngày 04/8/2017 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị Đ đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Toà án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THA DS huyện Sông Lô;
- UBND xã Phương Khoan;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ